

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Krông Ana**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành*



phổ trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Báo cáo số 452/BC-SYT ngày 24/10/2023 của Sở Y tế Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Krông Ana;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Ana tại Tờ trình số 75/TTr-TTYT ngày 17/10/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Krông Ana, với số tiền **3.359.733.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng chẵn), chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Trung tâm Y tế huyện Krông Ana (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Ana chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Trung tâm Y tế huyện Krông Ana thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Ana; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. 

Nơi nhận 

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).



H'Yim Kdoh

11-16-74

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC, THUỐC CỔ TRUYỀN (KHÔNG BAO GỒM VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN) NĂM 2023 THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG ANA**

(Kèm theo Quyết định số 2224 /QĐ-UBND ngày 01 /11 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

## Phụ lục II

**DANH MỤC GÓI THẦU MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023 THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG ANA**

*(Kèm theo Quyết định số **2224** /QĐ-UBND ngày **01** / **11** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| TT | Tên thành phần của thuốc                                                                                           | Nhóm TCKT | Nồng độ, hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế   | Đơn vị tính | Số lượng | Giá kế hoạch (VND) | Thành tiền (VND) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------|------------|----------------|-------------|----------|--------------------|------------------|
| 1  | Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Xa tiền tử, Ý dĩ, Sinh địa.                                                | N3        |                    | Uống       | Viên           | Viên        | 55.000   | 2.040              | 112.200.000      |
| 2  | Diệp hạ châu, Bò bồ, (Chi tử), (Rau má).                                                                           | N3        |                    | Uống       | Viên           | Viên        | 170.000  | 605                | 102.850.000      |
| 3  | Actisô.                                                                                                            | N3        | 240mg              | Uống       | viên           | Viên        | 30.000   | 1.785              | 53.550.000       |
| 4  | Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo). | N3        | 4g                 | Uống       | Viên hoàn cứng | Gói         | 8.000    | 5.796              | 46.368.000       |
| 5  | Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.                                               | N3        |                    | Uống       | viên nang      | Viên        | 20.000   | 1.945              | 38.900.000       |
| 6  | Kim tiền thảo, (Râu ngô),( râu mèo)                                                                                | N3        | 220mg              | Uống       | Viên nang      | Viên        | 90.000   | 1.350              | 121.500.000      |
| 7  | Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chi, Tục đoạn, Bồ cốt chi.       | N3        |                    | Uống       | Viên nang      | Viên        | 65.000   | 2.100              | 136.500.000      |
| 8  | Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh.                                                                         | N3        |                    | Uống       | Viên nang      | Viên        | 125000   | 2.100              | 262.500.000      |
| 9  | Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh.                        | N3        |                    | Uống       | Viên nang      | Viên        | 85.000   | 1.495              | 127.075.000      |

| TT | Tên thành phần của thuốc                                                                                                                                                                                         | Nhóm TCKT | Nồng độ, hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế                       | Đơn vị tính | Số lượng | Giá kế hoạch (VND) | Thành tiền (VND) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------|------------|------------------------------------|-------------|----------|--------------------|------------------|
| 10 | Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.                                                               | N3        | 5g                 | Uống       | Viên hoàn cứng                     | Gói         | 60.000   | 4.900              | 294.000.000      |
| 11 | Đỉnh lăng, Bạch quả, Cao Đậu tương lên men.                                                                                                                                                                      | N3        |                    | Uống       | Viên nang                          | Viên        | 125.000  | 2.916              | 364.500.000      |
| 12 | Đương quy, Bạch quả/Ginkgo biloba                                                                                                                                                                                | N3        |                    | Uống       | Viên nang                          | Viên        | 65.000   | 1.450              | 94.250.000       |
| 13 | Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).                                                                                                                                           | N3        |                    | uống       | Viên nang                          | Viên        | 60.000   | 1.200              | 72.000.000       |
| 14 | Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết men bia                                                                                                                                                                           | N3        | 10ml               | Uống       | Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống | Ống         | 80.000   | 3.500              | 280.000.000      |
| 15 | Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bán hạ chế/Bán hạ, Bách bộ, Cam thảo, (Mơ muối/ô mai), (Bạc hà), (Tinh dầu bạc hà), (Bạch phàn), (Bàng sa), (Ngũ vị tử). | N3        | 7.5ml              | Uống       | Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống | ống         | 32.000   | 3.900              | 124.800.000      |
| 16 | Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).                                                                                        | N3        | 376mg              | Uống       | Viên nang                          | viên        | 110.000  | 1.495              | 164.450.000      |
| 17 | Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).                                                                                        | N3        |                    | Uống       | viên                               | Viên        | 170.000  | 790                | 134.300.000      |
| 18 | Bạch truật, Mộc hương, Hoàng đằng, Hoài sơn/Sơn Dực, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm.                                                                                    | N3        |                    | Uống       | Viên hoàn cứng                     | Gói         | 23.000   | 3.900              | 89.700.000       |
| 19 | Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.                                                                                                                | N3        |                    | Uống       | Viên                               | Viên        | 25.000   | 1.050              | 26.250.000       |

